

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 705/2021/KDTM-PT

Ngày: 20/12/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4440/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH

Địa chỉ: Lô AC- 03 -KDC N, tổ 16, ấp 3, xã N1, huyện N2, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 11/3/2020)

Địa chỉ: 42 đường T, phường T1, Quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD

Địa chỉ: Lô C7 – Khu C- KCN H, xã H1, huyện H2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T (theo giấy ủy quyền ngày 11/11/2021).

Địa chỉ: 37 Đường P, Khu dân cư P1, xã P2, huyện P3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD .

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ngày 21/4/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH (Sau đây gọi là Công ty LH) ký Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT/KONDOVN-CKLH với Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD (Sau đây gọi là Công ty KD) với nội dung: Công ty KD sẽ đặt hàng khuôn mẫu cơ khí theo từng đơn hàng yêu cầu về chất lượng, số lượng, quy cách, thông số kỹ thuật... với phía Công ty LH , Công ty LH sẽ giao hàng khuôn cơ khí từng đơn hàng này và nhận thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu. Thời gian đầu thực hiện hợp đồng số 02/HĐNT/KONDOVN-CKLH, Công ty LH và Công ty KD thực hiện nhiều đơn đặt hàng, khi giao hàng xong Công ty LH đã nhận được tiền thanh toán đầy đủ đúng hạn.

Từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019, Công ty KD và Công ty LH đã thực hiện đơn đặt hàng, giao nhận hàng xong 08 đợt và Công ty LH đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) giao cho công ty KD với tổng cộng số tiền công nợ là 739.750.000 đồng, nhiều lần Công ty LH liên hệ Công ty KD yêu cầu thanh toán tiền nợ nhưng Công ty KD vẫn không có thiện chí trả nợ. Cụ thể:

- Phần nợ gốc Công ty LH đã giao hàng cho Công ty KD :

Đợt 1: ngày 13/1/2018 sửa bộ khuôn FOL-2 (Kèm phải), nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000012, số tiền là 1.650.000 đồng.

Đợt 2: ngày 03/3/2018 giao 03 bộ khuôn FE0891, FE0886, FE0895, FE 0890, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000014, số tiền là 114.400.000 đồng

Đợt 3: ngày 04/5/2018 giao 03 bộ khuôn KKBZFL2015, KKBZFL13, HO3-312BOO, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000016, số tiền là 105.600.000 đồng.

Đợt 4: ngày 06/7/2018 giao 03 bộ khuôn 2017-0215-20, 2013-1234-50, W22-10274, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000017, số tiền là 147.400.000 đồng.

Đợt 5: ngày 12/9/2018 giao 06 bộ khuôn FE0892, FE0893, FE0894, FE 0887, FE0888, FE0889, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000019, số tiền là 170.500.000 đồng.

Đợt 6: ngày 15/10/2018 giao 01 bộ khuôn 2018-0653-30, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000020, số tiền là 33.000.000 đồng.

Đợt 7: ngày 07/12/2018 giao 04 bộ khuôn FS-180904, FS-180911, FS-180917, 2018-0553-10, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000021, số tiền là 137.500.000 đồng.

Công ty LH nhận 07 đợt giao hàng trên, với số tiền Công ty KD còn nợ là 710.050.000 đồng.

Ngày 02/01/2019, Công ty KD tiến hành kiểm toán và đã có thư xác nhận công nợ với Công ty LH số tiền nợ là 710.050.000 đồng.

Đợt 8: Ngày 20/2/2019, giao 01 bộ khuôn E-740200-001, nghiệm thu bàn giao và xuất hóa đơn VAT số 0000023, số tiền là 29.700.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng Công ty LH có 08 đợt giao hàng, số tiền Công ty KD còn nợ Công ty LH là 739.750.000 đồng.

-Về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Căn cứ theo Điều 4 Hợp đồng số 02/HĐNT/KONDOVN-CKLH ngày 21/4/2017 về thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu bàn giao. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất chậm thanh toán là 9%/năm. Cụ thể:

Năm 2018: Công ty LH có 07 đợt giao hàng cho Công ty KD, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và ngày 02/01/2019 Công ty KD có Thư xác nhận công nợ xác nhận tính đến ngày 31/12/2018, Công ty còn nợ lại Công ty LH số tiền 710.050.000 đồng. Công ty LH chỉ tính gộp thời điểm chậm trả tiền của tất cả đơn hàng đã giao (07 đợt) tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 12/5/2021 là 02 năm 04 tháng. Số tiền lãi chậm trả là: $[710.050.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm}] + [4 \text{ tháng} \times 9\% : 12 \text{ tháng} \times 710.050.000 \text{ đồng}] = 127.809.900 \text{ đồng} + 21.301.500 \text{ đồng} = 149.110.500 \text{ đồng}$.

Năm 2019: Công ty LH giao hàng đợt 8, xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 20/02/2019 số tiền là 29.700.000 đồng. Thời hạn chậm trả tính từ ngày 20/3/2019 đến ngày 12/5/2021 là 02 năm 01 tháng. Số tiền lãi chậm trả là: $[29.700.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 2 \text{ năm}] + [01 \text{ tháng} \times 9\% : 12 \text{ tháng} \times 29.700.000 \text{ đồng}] = 5.346.000 \text{ đồng} + 222.500 \text{ đồng} = 5.568.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền lãi chậm thanh toán của 08 đợt giao hàng là: 149.110.500 đồng + 5.568.500 đồng = 154.679.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn Công ty LH khởi kiện yêu cầu Công ty KD phải thanh toán một lần số tiền mua hàng còn nợ theo Hợp đồng số 02/HĐNT/KONDOVN-CKLH ngày 21/4/2017 là 739.750.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 12/5/2021 số tiền là: 154.679.000 đồng. Tổng cộng Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 894.429.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH KD có gửi cho Tòa án Văn bản số 868/CV/KD ngày 10/6/2020 có nội dung: Công ty KD nhận được Giấy triệu tập và thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của Công ty là ông Nguyễn Trần H sức khỏe yếu, đang điều trị theo chỉ định của bác sĩ nên không thể có mặt tại Tòa để làm việc theo Giấy triệu tập; Ngày 01/7/2020 Công ty KD tiếp tục gửi cho Tòa án Văn bản số 873/CV/KD với nội dung: Hiện sức khỏe của ông H, người đại diện theo giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật Công ty là ông MS vẫn chưa bình phục. Ông MS vẫn đang ở Nhật nên không thể có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn LH .

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn LH số tiền nợ gốc là 739.750.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 12/5/2021 số tiền: 154.679.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 894.429.000 đồng (Tám trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD chưa trả số tiền trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD phải chịu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD phải chịu án phí là 38.832.870 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH số tiền 18.205.875 đồng (Mười tám triệu hai trăm lẻ năm ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0072569 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 6 năm 2021, bị đơn – Công ty KD có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè với lý do tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá khách quan các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu. Tuy nhiên, Biên bản nghiệm thu do Công ty LH cung cấp cho Tòa án huyện Nhà Bè không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty KD . Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã gửi văn bản đến tòa sơ thẩm nêu lý do không thể đến tòa tham gia tố tụng vì người đại diện theo pháp luật của Công ty

đang ở Nhật Bản, không thể vào Việt Nam vì dịch bệnh Covid-19. Đây được coi là việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật. Việc tòa sơ thẩm không xem xét chấp nhận lý do này mà vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nên bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày* : Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng không đúng cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của Công ty KD . Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã gửi văn bản đến tòa sơ thẩm nêu lý do không thể đến tòa tham gia tố tụng vì người đại diện theo pháp luật của Công ty đang ở Nhật Bản, không thể vào Việt Nam vì dịch bệnh Covid-19. Đây được coi là việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật. Việc tòa sơ thẩm không xem xét chấp nhận lý do này mà vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc tổng đạt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Căn cứ Hợp đồng số 02/HĐNT/KONDOVN-CKLH ngày 21/4/2017; Thư xác nhận công nợ ngày 02/01/2019 và các đơn đặt hàng, các biên bản giao nhận hàng, các biên bản nghiệm thu thể hiện việc Công ty KD còn nợ lại số tiền mua hàng là 739.750.000 đồng. Việc bị đơn cho rằng vắng mặt là do sự kiện bất khả kháng là không phù hợp với quy định của pháp luật, tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần mà bị đơn cố tình vắng mặt để kéo dài vụ án chiếm dụng vốn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp thuận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở do tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn - Công ty KD có trụ sở làm việc tại huyện Nhà Bè, do đó Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định về thẩm quyền giải quyết theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tổ tụng dân sự 2015; Công ty KD nhận bản án sơ thẩm vào ngày 29/5/2021; Đơn kháng cáo của Công ty KD được nộp vào ngày 08/6/2021 trong thời hạn quy định là hợp lệ, nên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tổ tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 21/4/2017, Công ty LH và Công ty KD có ký hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐBT/KONDOVN-CKLH với nội dung: Công ty KD sẽ đặt hàng khuôn mẫu cơ khí theo từng đơn hàng yêu cầu về chất lượng, số lượng, quy cách, thông số kỹ thuật... với phía Công ty LH, Công ty LH sẽ giao hàng khuôn cơ khí từng đơn hàng này và nhận thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty LH và Công ty KD thực hiện nhiều đơn đặt hàng, khi giao hàng xong Công ty LH đã nhận được tiền thanh toán đầy đủ và đúng hạn. Nhưng từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019, Công ty KD và Công ty LH đã thực hiện đơn đặt hàng, giao nhận hàng xong 08 đợt và Công ty LH đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) giao cho công ty KD với tổng cộng số tiền công nợ là 739.750.000 đồng nhưng đến nay bị đơn vẫn không thanh toán.

Bị đơn kháng cáo cho rằng các bên đã thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng là bên mua chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản nghiệm thu. Biên bản nghiệm thu do Công ty LH cung cấp cho Tòa án huyện Nhà Bè do ông Nguyễn Thành Nam đại diện ký là không hợp lệ vì ông Nam không được Công ty KD ủy quyền và các biên bản đó cũng không có đóng dấu xác nhận của Công ty KD mà tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng.

Các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có nhu cầu đặt hàng thì Công ty KD gửi yêu cầu báo giá và bản vẽ chi tiết kỹ thuật của từng loại khuôn qua thư điện tử cho nguyên đơn. Dựa vào thông tin được cung cấp, nguyên đơn sẽ gửi lại báo giá. Chỉ sau khi nhận phản hồi xác nhận từ bị đơn, nguyên đơn mới tiến hành sản xuất khuôn theo từng đơn hàng này. Sau khi hoàn thành và giao hàng, ông Nam đã đại diện Công ty KD kiểm tra chất lượng kỹ thuật, số lượng khuôn theo đơn hàng trước đó giữa 02 bên. Nếu hàng hóa đạt chất lượng thỏa thuận, ông Nam sẽ tiến hành nhận hàng đưa vào kho và ký những chứng từ sau: 01 biên bản nghiệm thu, 01 phiếu giao hàng, 01 phiếu nhập kho (gồm 03 liên: 1 liên giao lại công ty LH, 01 liên gửi kế toán, 01 liên lưu). Các chứng từ này cùng hóa đơn VAT sẽ được nguyên đơn chuyển đến bị đơn để kiểm tra. Sau thời hạn 30 ngày, nếu không có vấn đề gì phát sinh, bị đơn sẽ tiến hành thanh toán bằng phương thức chuyển khoản. Trên thực tế, từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, hai bên đã hoàn tất nhiều đợt giao

nhận hàng hóa, tổng cộng đã có 11 đợt giao hàng có chứng từ gồm biên bản nghiệm thu, phiếu giao hàng, phiếu nhập kho và hoá đơn giá trị gia tăng (VAT) từ số 000001 – 0000011. Bị đơn đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn mà không đòi hỏi phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo uỷ quyền kí hay đóng dấu công ty trong biên bản nghiệm thu. Chỉ trong khoảng thời gian thực hiện tiếp 08 đợt mua bán giao hàng từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019, các chứng từ vẫn tương tự so với những đợt giao hàng trước đó nhưng bị đơn lại trễ hẹn thanh toán. Đến ngày 02 tháng 01 năm 2019, bị đơn đã chấp nhận ký Giấy xác nhận nợ số tiền là 739.750.000 đồng. Như vậy, việc ông Nam đại diện bị đơn ký các biên bản giao nhận hàng, biên bản nghiệm thu đã được lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được các bên mặc nhiên thừa nhận để thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên nên được xem là thói quen trong hoạt động thương mại theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, các biên bản nghiệm thu do Công ty LH cung cấp cho Tòa án huyện Nhà Bè có chữ ký của ông Nam đại diện ký là hợp lệ. Mặt khác tại Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 02/ HĐBT/KONDOVN-CKLH quy định : *« Trong vòng 7 ngày, nếu bên B không có phản hồi gì về chất lượng, số lượng hàng hóa mà bên A đã giao, bên A sẽ không chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng và qui cách cho lô hàng đó »*. Trên thực tế, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo thoả thuận của hợp đồng là giao hàng đúng quy cách, chất lượng và số lượng khuôn theo bản vẽ kỹ thuật, cung cấp hoá đơn tài chính và những chứng từ liên quan cho bị đơn, đến nay phía bị đơn không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng những khuôn hàng mà phía nguyên đơn đã giao, và về số tiền còn nợ nguyên đơn. Do vậy, Công ty KD phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng đã nhận của Công ty LH. Việc tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 171, Điều 174, Điều 178 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn nộp tại tòa. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè. Điều này xem như bị đơn đã tự từ bỏ quyền trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại tòa người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng không đúng người chịu trách nhiệm nhận văn bản của Công ty KD, ngoài lời trình bày bị đơn không xuất trình được chứng cứ để chứng minh bà Sầm Thị Hậu là người ký nhận các văn bản tố tụng đã được tòa án tổng đạt không phải là nhân viên chịu trách nhiệm nhận văn bản của Công ty KD. Căn cứ vào các văn bản do bị đơn đã gửi cho Tòa án cấp sơ

thẩm đề ngày 23/4/2021, ngày 10/6/2020 và ngày 01/7/2020 (có đóng dấu của Công ty KD) với nội dung Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trần Huân sức khỏe yếu, đang điều trị theo chỉ định của bác sĩ nên không thể có mặt tại Tòa, người đại diện theo pháp luật Công ty là ông MS đang ở Nhật vì dịch Covid nên đề nghị hoãn lại ngày xét xử đến tháng 09/2021...đã thể hiện Công ty KD đã nhận được các văn bản tố tụng của tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, việc bị đơn không phản hồi với các nội dung khởi kiện của nguyên đơn mà đề nghị gia hạn hơn một năm là đề nghị không có căn cứ, không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Xét việc Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và cũng không cử người đại diện hợp pháp đến tham gia tố tụng nên việc bị đơn cho rằng không đến tham gia tố tụng tại tòa là sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt không hợp lệ vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty KD là không có cơ sở, vì vậy yêu cầu kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD . Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Áp dụng khoản 1 Điều 8 và Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH .

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH số tiền nợ gốc là 739.750.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 12/5/2021 với số tiền: 154.679.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 894.429.000 đồng (Tám trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD chưa trả số tiền trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD phải chịu án phí là 38.832.870 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn LH số tiền 18.205.875 đồng (Mười tám triệu hai trăm lẻ năm ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0072569 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn KD phải chịu (Đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0073669 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh).

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Chinh

